TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 18- 01- 2019
V/v tranh chấp về
hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt
2. Ông Lê Văn Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Bảy là Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2012/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2012 về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, Hợp đồng thế chấp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 91/2018/QĐST-DS ngày 18/12/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV). Địa chỉ: 35, Lô C, đường Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam: Ông Phạm Thiện S. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện V, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (Theo văn bản ủy quyền số 194/BIDV-CLA-QLRR ngày 23/6/2015). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1945; Địa chỉ: Số 09 ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Thanh D, sinh năm 1970; (Vắng mặt)
2. Anh Lê Thanh L, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

3. Anh Lê Văn K, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

4. Anh Lê Thanh H, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

5. Anh Lê Thành HP, sinh năm 1981; (Vắng mặt)

6. Anh Lê Thành CG, sinh năm 1990; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 09 ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ông Lê Thành B, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số 389 ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

8. Bà Lê Thị Ngọc L1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 37 ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

9. Anh Bùi Thiện D1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện V, Đồng Tháp; (Vắng mặt)

10. Ông Lê Quang N, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

11. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1959; (Vắng mặt)

12. Anh Lê Thanh T, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

13. Chị Lê Thúy D2, sinh năm 1986; (Vắng mặt)

14. Anh Lê Thanh P, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

15. Chị Đỗ Thị Quỳnh N1, sinh năm 1990; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 08 ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2012 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Thiện S đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng BIDV trình bày:

Vào ngày 02/3/2009, Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long- phòng giao dịch V (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S, phòng giao dịch V) với ông Lê Văn C và anh Lê Thanh D có ký kết hợp đồng tín dụng số: NA 0456.09/HĐTD, để ông C, ông Dũng vay 70.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 0,875%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn vay 12 tháng (Từ ngày 03/3/2009 đến ngày 02/3/2010), mục đích vay là để bổ sung vốn nuôi cá lóc.

Để bảo đảm hợp đồng tín dụng trên, ngày 02/3/2009 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Đồng Tháp, Phòng giao dịch V (Nay là Ngân hàng BIDV) với ông C cùng các thành viên trong hộ gia đình ông C gồm anh Lê Thanh D, anh Lê Thanh L, anh Lê Văn K, anh Lê Thanh H, anh Lê Thành HP và anh Lê Thành CG có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0456.09/HĐTC. Cụ thể ông C cùng các thành viên trong hộ gia đình ông C thế chấp quyền sử dụng đất số Q195262 cấp ngày 26/9/2000 cho hộ ông Lê Văn C, diện tích 10.111m^2. Tuy nhiên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chỉ ghi nhận thửa 826, 1056, 352, 1018 tờ bản đồ số 9, 9A cùng nhà ở và vườn cây ăn trái.

Ngày 03/3/2009, ông C đã nhận đủ vốn vay 70.000.000 đồng, việc ông C nhận tiền có ký tên vào giấy nhận nợ ngày 03/3/2009 và giấy nhận nợ này Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án.

Do sau khi vay tiền ông C và anh D không trả vốn vay và lãi nên ngày 06/4/2012 nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu ông C và anh D hoàn trả vốn gốc là 70.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 17/10/2011 là 38.264.000 đồng, Tòa án huyện Lấp Vò đã thụ lý vụ án. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 07/9/2012 ông C thừa nhận vào năm 2009 có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh S, Phòng giao dịch huyện V vốn vay 70.000.000 đồng. Sau khi vay ông C không trả vốn gốc và lãi cho Ngân hàng. Nay ông C đồng ý một mình trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long vốn vay 70.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 07/9/2012 là 54.596.000 đồng. Tòa án huyện Lấp Vò đã lập biên bản hòa giải thành do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tuy nhiên ngày 13/9/2012, ông C thay đổi ý kiến, cho rằng ông C gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C cho ông B giữ dùm, ngày 03/3/2009 Bà L1 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này làm hồ sơ vay vốn ở Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long số tiền 70.000.000 đồng, việc vay vốn này ông C hoàn toàn không biết gì và cũng không có nhận tiền, đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm trả nợ của Bà L1 và ông B.

Từ tháng 02/2014 đến tháng 3/2015 hộ gia đình ông C có trả vốn vay 70.000.000 đồng cho nguyên đơn (Người trả vốn vay cho nguyên đơn là anh Bùi Thiện D1, con rễ bà Lê Thị Ngọc L1) và hiện còn nợ tiền lãi số tiền 82.800.925 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu ông Lê Văn C có nghĩa vụ hoàn trả tiền lãi còn nợ là 82.801.283 đồng, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông C hoàn trả số tiền lãi 82.801.283 đồng, không yêu cầu ai khác cùng với ông C trả nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam xin rút yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0456.09/HĐTC ngày 02/3/2009 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long - Chi S, Phòng giao dịch V (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S, phòng giao dịch V) với ông C và các con của ông C gồm anh Lê Thanh D, anh Lê Thanh L, anh Lê Văn K, anh Lê Thanh H, anh Lê Thành HP và anh Lê Thành CG.

- ***Ông Lê Văn C trình bày:*** Vào năm 2009, ông C có ký hợp đồng tín dụng số NA 0456.09/HĐTD với Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long để vay số tiền 70.000.000 đồng, mục đích vay để cho bà Lê Thị Ngọc L1 mượn lại, nhưng từ ngày vay đến nay bà L1 không trả cho Ngân hàng.

- Anh Lê Thanh D, anh Lê Thanh L và anh Lê Thanh H cùng trình bày: Ông Lê Văn C là cha ruột của Lê Thanh D, Lê Thanh L, Lê Văn K, Lê

Thanh H, Lê Thành HP và Lê Thành CG. Do ông C cùng con là K, HP, C1 bị bệnh tâm thần. Trước đây Lê Thanh L vay 9.500.000 đồng của ông Lê Thành B có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 10.111m^2 do ông C đứng tên cho ông B giữ. Tuy nhiên ông B cùng Bà L1 và Bùi Thiện D1 đã liên kết với anh Phạm Minh T (Cán bộ tín dụng Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long) làm thủ tục để ông C đứng tên vay 70.000.000 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất nói trên, trong khi ông C, anh Khanh, anh Hiệp, anh Công bị bệnh tâm thần, anh Lê Thanh D, anh Lê Thanh L và anh Lê Thanh H không có ký tên vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và cũng không biết gì về số tiền vay 70.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện. Ông B, Bà L1 và Bùi Thiện D1 nhận số tiền vay trên thì có trách nhiệm trả cho nguyên đơn.

- Ông Lê Thành B trình bày: Con trai ông Lê Văn C là anh Lê Thanh L có nhờ ông B hỏi vay dùm số tiền là 10.000.000 đồng và anh L có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn C đứng tên cho ông B giữ. Sau đó Lê Thanh L có đến gặp ông B hỏi mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn C đứng tên đưa cho anh Bùi Thiện D1 và bà Lê Thị Ngọc L1 mượn để đi vay tiền Ngân hàng nên ông B đồng ý và giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn C đứng tên cho anh L.

- Bà Lê Thị Ngọc L1 trình bày: Ông Lê Thành B là anh ruột của bà Lê Thị Ngọc L1. Bà L1 biết ông B có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn C đứng tên cho Bùi Thiện D1 (Anh D là con rể của Bà L1) và Lê Thanh L để đi vay Ngân hàng, việc đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào thời gian nào thì Bà L1 không nhớ. Khi đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn C đứng tên có sự chứng kiến của Bà L1, ông B, anh D và anh L đều biết. Bà L1 không biết D và L vay bao nhiêu tiền, sau đó thì Bà L1 có biết được việc D và L có thoả thuận với nhau là D trả nợ gốc, còn tiền lãi thì do L trả. Ngoài ra Bà L1 không biết gì và cũng không liên quan gì.

- Ông Lê Quang N trình bày: Ông Lê Văn C có cho ông N cố khoảng hơn 3.000 m^2 đất hiện do ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, tiền cố đất là 05 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng. Việc cố đất không có thời hạn nên ông N đã sử dụng đất khoảng 18 năm nay, khi nào ông C có tiền chuộc đất thì ông N đồng ý trả lại đất. Việc ông C có thế chấp quyền sử dụng đất do ông C đứng tên quyền sử dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh S, phòng giao dịch V để vay tiền thì ông N không biết. Ông N cũng không có ý kiến gì đối với việc Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và ông C đang tranh chấp tại Toà án huyện V về hợp đồng vay vốn. Việc cố đất giữa ông N và ông C, ông N và ông C tự thoả thuận riêng không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, buộc ông Lê Văn C trả cho Ngân hàng tiền lãi là 82.801.283 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn C trả tiền lãi là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông C cư trú tại ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Văn C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thanh D, Lê Thanh L, Lê Văn K, Lê Thanh H, Lê Thành Hiệp, Lê Thành Công, Lê Thành Bốn, Lê Thị Ngọc L1, Bùi Thiện Dũng, Lê Quang Nhựt, Nguyễn Thị Biết, Lê Thanh Tú, Lê Thúy Diễm, Lê Thanh P, Đỗ Thị Quỳnh Nhàn đã được triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử Lê Văn C, Lê Thanh L, Lê Thanh D, Lê Văn K, Lê Thanh H, Lê Thanh HP, Lê Thành C1, Lê Thành Bô, Lê Thị Ngọc L1, Bùi Thiện D, Lê Quang N, Nguyễn Thị B1, Lê Thanh T, Lê Thúy D1, Lê Thanh P, Đỗ Thị Quỳnh N1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam yêu cầu ông Lê Văn C hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam tiền lãi tính từ ngày 03/3/2009 đến ngày 17/3/2015 là 82.801.283 đồng theo hợp đồng tín dụng số NA 0456.09/HĐTD, ngày 02/3/2009. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

Vào ngày 02/3/2009, ông Lê Văn C có ký hợp đồng tín dụng số NA 0456.09/HĐTD với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 0,875%/tháng để bổ sung vốn nuôi cá lóc, thời hạn vay là 12 tháng.

Qua các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Quá trình thực hiện hợp đồng ông C không thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở yêu cầu ông C thanh toán nợ nhưng ông C không thực hiện. Nên đến ngày 06/4/2012, Ngân hàng có đơn khởi kiện ông C tại Tòa án và Tòa án huyện Lấp Vò đã thụ lý vụ án giải quyết, trong quá trình tố tụng tại Tòa ông Chung đã trả cho Ngân hàng vốn vay là 70.000.000 đồng còn lại tiền lãi ông C không trả cho Ngân hàng.

Xét thấy, ông Lê Văn C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 17/3/2015 ông C còn nợ Ngân hàng tiền lãi là

82.801.283 đồng. Do đó Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu ông Lê Văn C hoàn trả tiền lãi cho Ngân hàng tính từ ngày 03/3/2009 đến ngày 17/3/2015 đối với vốn vay 70.000.000 đồng là 82.801.283 đồng theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số NA 0456.09/HĐTD ngày 02/3/2009 là hoàn toàn phù hợp được chấp nhận.

[3] Đối với việc ông C cho rằng ông vay tiền 70.000.000 đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam để cho bà Lê Thị Ngọc L1 mượn lại, ông không sử dụng số tiền trên, nay ông không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của Ngân hàng là không phù hợp, không được chấp nhận. Bởi vì ông C là người trực tiếp vay tiền với Ngân hàng thì ông phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng, còn việc ông C cho bà L1 mượn thì bà L1 có trách nhiệm trả cho ông bằng một vụ kiện khác khi ông C có đơn khởi kiện.

[4] Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam xin rút phần yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp đối với hộ ông C, xét thấy việc rút phần yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5] Do Ngân hàng rút yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp và ông Lê Quang N và ông Lê Văn C không yêu cầu Tòa án xét xử đối với hợp đồng cố đất giữa ông C với ông Nhựt, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, buộc ông Lê Văn C trả cho Ngân hàng tiền lãi là 82.801.283 đồng. Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

2. Buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tiền lãi còn nợ là 82.801.283 đồng (Tám mươi hai triệu tám trăm lẻ một ngàn hai trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, ông Lê Văn C chưa trả số tiền trên cho Ngân hàng thì ông C còn phải trả lãi cho Ngân hàng đối với

số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Đình xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam về việc yêu cầu xử lý hợp đồng thế chấp số 0456.09/HĐTC, ngày 02/3/2009 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam với Lê Văn C, Lê Thanh D, Lê Thanh L, Lê Văn K, Lê Thanh H, Lê Thành HP, Lê Thành CG.

4. Về án phí: Ông Lê Văn C phải chịu 4.140.000 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Ông C và anh Thanh D chưa nộp).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai số 006421 ngày 10/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về chi phí thẩm định: Số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tự nguyện nộp và đã chi xong.

6. Án xử có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết là có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đ/s;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Quan Nam